

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/10/2019.

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh.

Các hội thẩm nhân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành,
2. Ông Nguyễn Hoài Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 607/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Bà Trần Thị L.

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: đường T, phường A, quận B, thành phố C.

BI ĐƠN: Ông Nguyễn Đ.

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: đường B, phường B, quận B, thành phố C.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị L đã trình bày:

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Đ qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố C vào ngày 05 tháng 6 năm 2010. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Đ không quan tâm đến gia đình vợ con và nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ.

Về con chung: thời gian chung sống có hai con chung tên Nguyễn Phương N (nữ) và Nguyễn Hoàng T (nam). Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông

Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000Đ/tháng/ cháu (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đ đã trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về quá trình tìm hiểu, thời gian tiến tới hôn nhân, con chung là đúng. Thời gian chung sống, ông bà có những mâu thuẫn vặt do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, bà L thường có những lời nói xúc phạm đến chồng, gia đình chồng và các con. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên cũng đồng ý ly hôn với bà L, không đồng ý hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải không thành nên đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L giữ nguyên quan điểm ly hôn như đã trình bày, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Đ đồng ý ly hôn, giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn được pháp luật điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà L, ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, đồng thời ông Đ cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chỉ đưa ra xem xét vấn đề còn tranh chấp trong vụ án là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2] Về con chung: thời gian chung sống, bà L, ông Đ có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phương N (nữ) và Nguyễn Hoàng T (nam).

Ông Đ, bà L đều có mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân hai con chung đã sống cùng mẹ. Ông Đ thường thăm nom, đưa đón con đi học đảm bảo các quyền về học tập và sinh hoạt ổn định của các con. Hơn nữa, ông Đ kinh doanh tự do thời gian làm việc không cố định, trong khi bà L làm giáo viên, công việc và thời gian sẽ thuận lợi hơn trong việc nuôi dạy các cháu, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu sau này, thấy rằng bà L nuôi dạy con chung nhưng không đảm bảo các quyền về trẻ em thì ông Đ được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà L thay đổi yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, 35, 147, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Đ.

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương N (nữ) và Nguyễn Hoàng T (nam) cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Đ theo quy định không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích của trẻ em, Tòa án có thể xem xét việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 Đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009996 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành tiền án phí, đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C;
- UBND phường A, quận B, thành phố C;
- (GCNĐKKH số 81, Quyền I/2010 ngày 05/6/2010)
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Lưu (hs, Vp, Ltda).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ánh